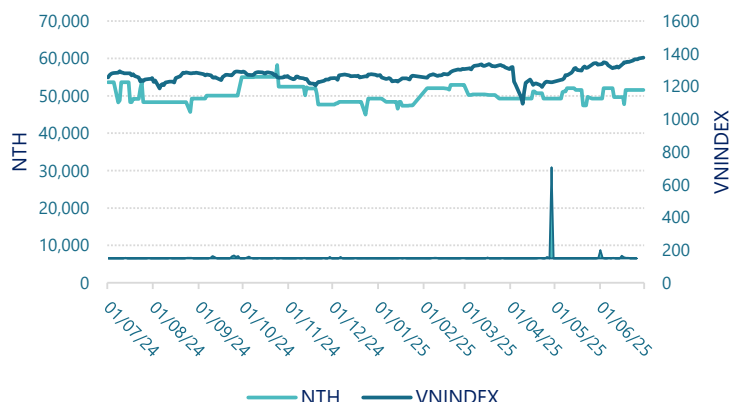


CTCP Thủy điện Nước Trong (HNX: NTH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	54,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,231
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,972
SL cổ phiếu LH	10,802,053
KLGD BQ 20 phiên (CP)	95
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	583
P/E	9.5
EPS	5,706

DT thuần

Q2/25

32.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.80 | -12.9%

YoY: ▲ 5.50 | 20.7%

LN sau thuế

Q2/25

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.60 | -17.3%

YoY: ▲ 4.10 | 30.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

56.9%

+/- YoY: ▲ 2.8%

DT thuần

6T 2025

69.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0 | 25.4%

LN sau thuế

6T 2025

38.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.3 | 36.9%

ROE

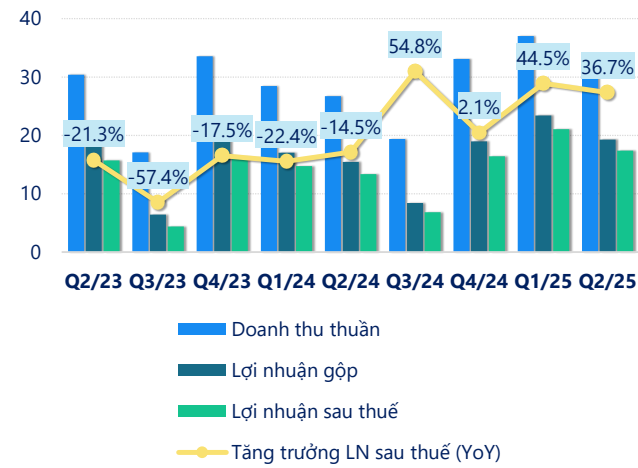
Q2/25

34.0%

+/- YoY: ▲ 7.2%

tỷ VNĐ

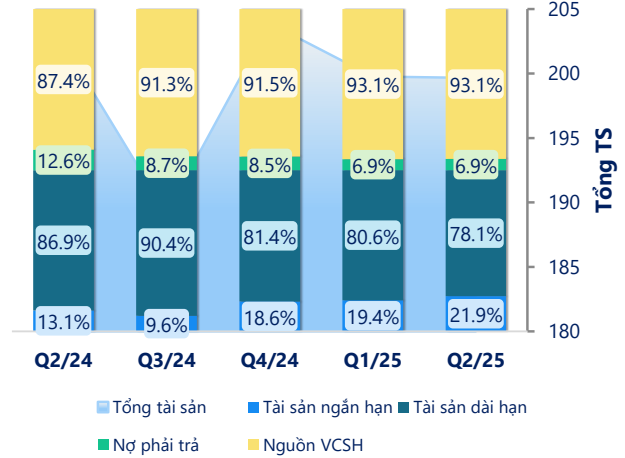
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

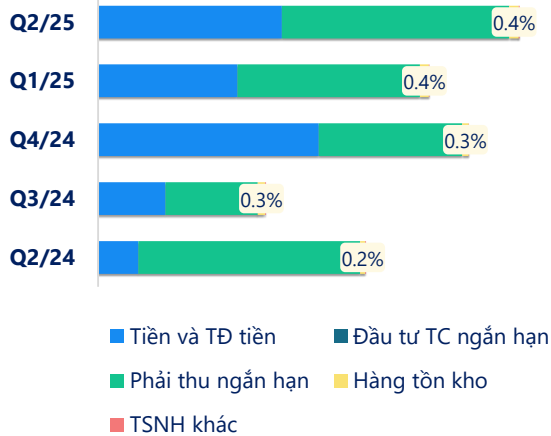
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



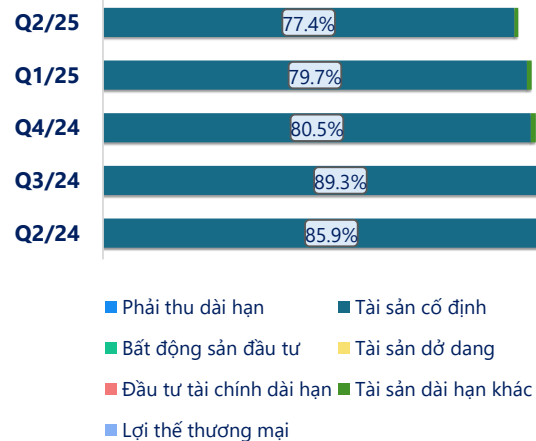
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

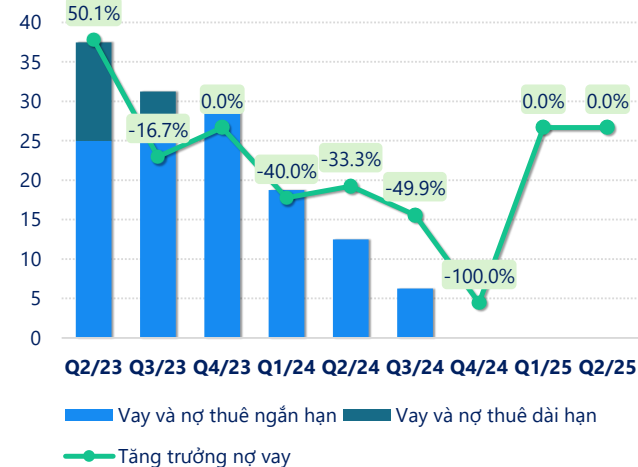
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

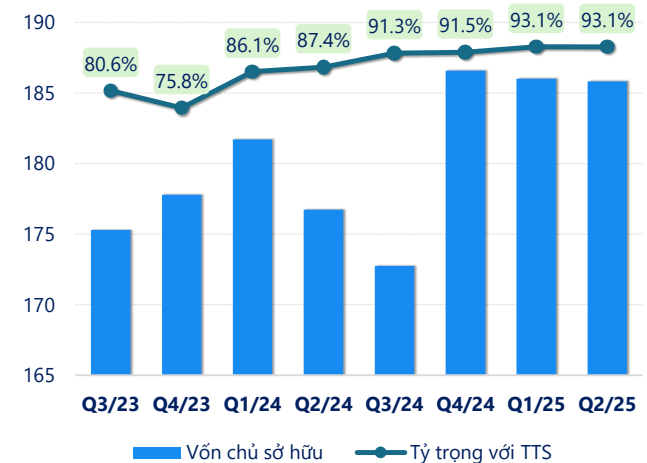
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



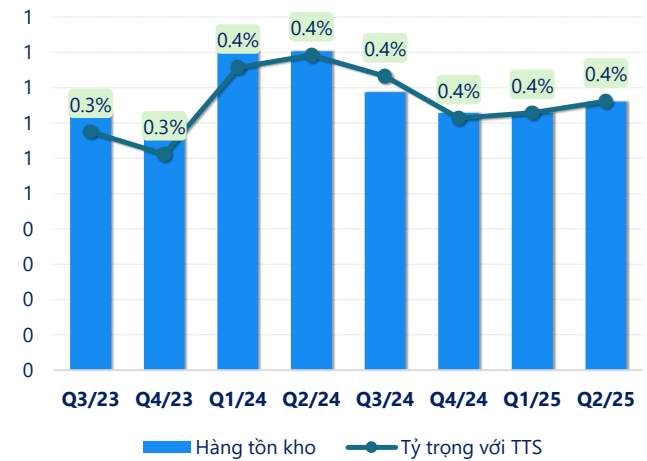
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

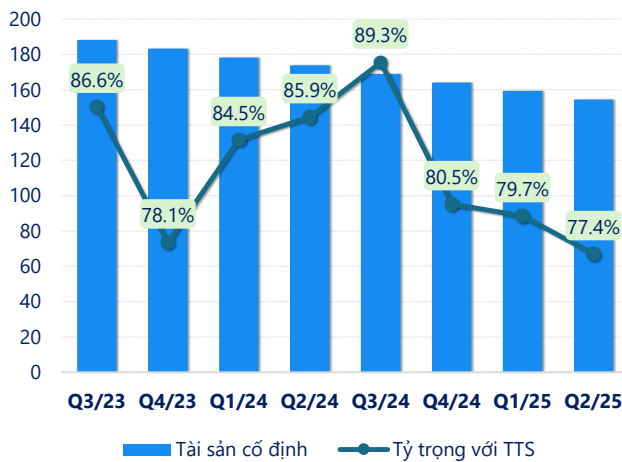

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


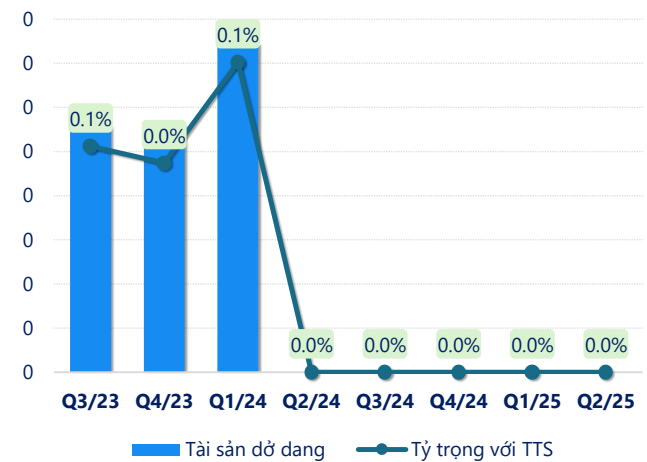
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

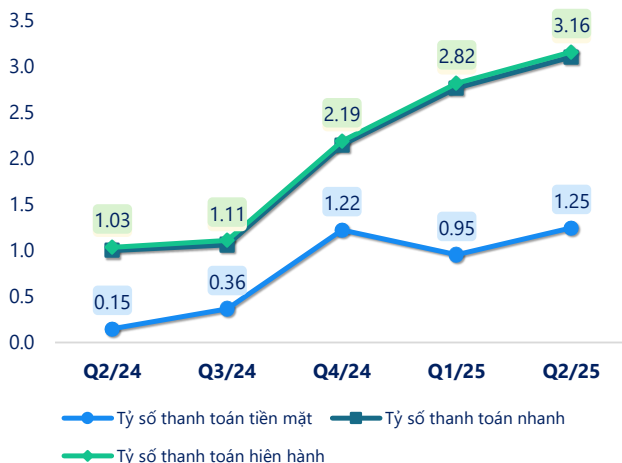
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

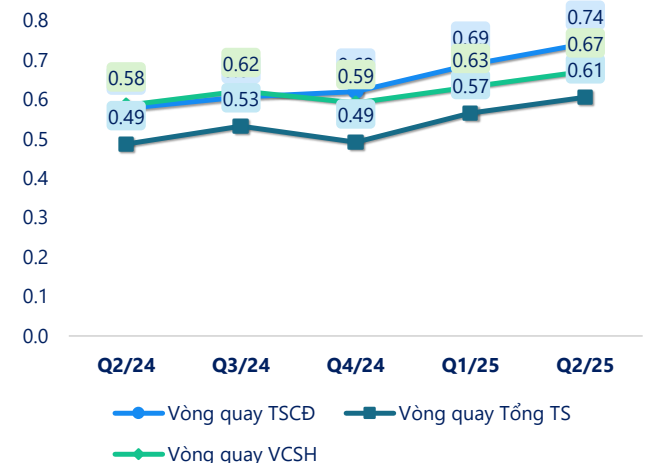
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	202	189	204	200	200
Tài sản ngắn hạn	26.5	18.2	37.9	38.7	43.7
Tiền và tương đương tiền	3.83	5.99	21.2	13.1	17.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	21.7	11.2	15.9	24.8	25.6
Hàng tồn kho	0.90	0.79	0.73	0.73	0.76
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.21	0.13	0.09	0.07
Tài sản dài hạn	176	171	166	161	156
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	174	169	164	159	154
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.05	2.02	1.93	1.77	1.49
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	25.6	16.4	17.3	13.7	13.8
Nợ ngắn hạn	25.6	16.4	17.3	13.7	13.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.5	6.26	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.32	1.33	3.43	2.74	2.83
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	177	173	187	186	186
Vốn chủ sở hữu	177	173	187	186	186
Vốn điều lệ	108	108	108	108	108
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)